

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, cập nhật, sử dụng Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế; Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thủ tục Hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, cập nhật, sử dụng Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế; Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 758/QĐ-TCHQ ngày 28/04/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục

Hải quan ban hành Quy chế thu thập, cập nhật, sử dụng Cơ sở dữ liệu Danh mục hàng hóa, Biểu thuế và phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan, công chức hải quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *LD*

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Lãnh đạo TCHQ;
- Vụ CST, Vụ HTQT-Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Trang website Hải quan;
- Lưu: VT, TXNK (30b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Dương Thái



QUY CHẾ
THU THẬP, CẬP NHẬT, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM;
CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ BIỂU THUẾ; CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ PHÂN LOẠI
HÀNG HÓA VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3864/QĐ-TCHQ
ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nội dung và trách nhiệm các đơn vị có liên quan trong việc thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng, quản lý, lưu trữ và bảo mật các Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế; Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế.

2. Các Cơ sở dữ liệu nêu trên được lưu trữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan để các đơn vị trong ngành Hải quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khai thác, sử dụng theo quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Các từ ngữ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được gọi tắt như sau:

1. Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá sau đây gọi tắt là Công ước HS.

2. Danh mục hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá của Tổ chức Hải quan Thế giới sau đây gọi tắt là Danh mục HS.

3. Danh mục thuế quan hài hoà ASEAN sau đây gọi tắt là Danh mục AHTN.

4. Hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Hải quan Việt Nam (*Vietnam Automated Cargo Clearance System*) sau đây gọi tắt là Hệ thống VNACCS.

5. Hệ thống thông tin quản lý Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế sau đây gọi tắt là Hệ thống MHS.

6. Công chức hải quan làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế tại cấp Chi cục và tương đương sau đây gọi tắt là cấp Chi cục.

7. Công chức hải quan làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế tại cấp Cục và tương đương sau đây gọi tắt là cấp Cục.

8. Công chức hải quan làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế tại cấp Tổng Cục và tương đương sau đây gọi tắt là cấp Tổng Cục.

9. Công chức, viên chức làm công tác phân tích, phân loại tại Trung tâm phân tích, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu và các Chi nhánh sau đây gọi tắt là Trung tâm.

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM; CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ BIỂU THUẾ; CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ PHÂN LOẠI HÀNG HÓA VÀ ÁP DỤNG MỨC THUẾ

Điều 3. Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam là tập hợp các nguồn thông tin bao gồm:

1. Công ước HS và các phụ lục kèm theo;
2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;
3. Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành theo quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;
4. Văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan;
5. Văn bản giải quyết khiếu nại về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan;
6. Thông báo kết quả phân loại hàng hóa của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;
7. Thông báo kết quả xác định trước mã số hàng hóa của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;
8. Tài liệu về phân loại hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới và khu vực, gồm: Danh mục AHTN; Chú giải chi tiết Danh mục HS và Chú giải bổ sung Danh mục AHTN; Tuyên tập ý kiến về phân loại hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO).

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế

Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế là tập hợp các thông tin liên quan đến mức thuế và điều kiện áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:

1. Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt;
2. Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt;
3. Biểu thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu;
4. Các Biểu thuế khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 5. Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế

Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế là tập hợp các thông tin liên quan đến phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa đã xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm:

1. Kết quả phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế do người khai Hải quan khai báo hoặc cơ quan Hải quan thực hiện;
2. Kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa, hồ sơ phân tích, phân loại (kể cả trường hợp sử dụng các dịch vụ giám định hàng hóa), hồ sơ xác định trước mã số hàng hóa, kết quả giải quyết khiếu nại, kết quả kiểm tra sau thông quan, kết quả điều tra chống buôn lậu, kết quả thanh tra, kiểm tra về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế của cơ quan hải quan;
3. Danh mục hàng hóa rủi ro về phân loại;
4. Thông tin tham khảo do các công chức, viên chức làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế tại các đơn vị trong ngành thu thập, cập nhật.

Chương III

THU THẬP, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 6. Thu thập, cập nhật

1. Đối với Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam:

a) Trách nhiệm thu thập:

a.1) Đối với nguồn thông tin nêu tại điểm 3 Điều 3, Cục Giám sát quản lý thu thập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu thu thập.

a.2) Đối với các nguồn thông tin khác ngoài nguồn thông tin nêu tại điểm 3 Điều 3, Cục Thuế XNK thu thập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu thu thập.

b) Trách nhiệm cập nhật:

b.1) Đối với các nguồn thông tin nêu tại điểm 6 và 7 Điều 3: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan có trách nhiệm liên kết lấy dữ liệu từ Hệ thống MHS để cập nhật lên cổng thông tin điện tử ngành Hải quan.

b.2) Đối với các nguồn thông tin nêu tại điểm 2 Điều 3: Cục Thuế XNK phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm chuyển đổi định dạng dữ liệu phù hợp và tổ chức cập nhật lên công thông tin điện tử của ngành Hải quan và Hệ thống VNACCS trước thời điểm có hiệu lực của văn bản; và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu cập nhật so với bản dữ liệu gốc nhận được.

b.3) Đối với các nguồn thông tin nêu tại điểm 3 Điều 3: Cục Giám sát quản lý phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm chuyển đổi định dạng dữ liệu phù hợp và tổ chức cập nhật lên công thông tin điện tử của ngành Hải quan và Hệ thống VNACCS trước thời điểm có hiệu lực của văn bản; và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu cập nhật so với bản dữ liệu gốc nhận được.

b.4) Đối với các nguồn thông tin nêu tại điểm 1, 4, 5 và 8 Điều 3: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm chuyển đổi định dạng dữ liệu phù hợp và tổ chức cập nhật lên công thông tin điện tử của ngành Hải quan; và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu cập nhật so với bản dữ liệu gốc nhận được.

2. Đối với Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế:

a) Trách nhiệm thu thập:

Cục Thuế xuất nhập khẩu thu thập và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nguồn dữ liệu thu thập.

b) Trách nhiệm cập nhật:

Cục Thuế XNK phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm chuyển đổi định dạng dữ liệu phù hợp và cập nhật các thông tin của Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế trên dịch vụ tra cứu *Danh mục, Biểu thuế, HS* tại công thông tin điện tử của ngành Hải quan và Hệ thống VNACCS ngay khi nhận được dữ liệu bàn giao từ đơn vị ban hành văn bản; và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu cập nhật so với bản dữ liệu gốc nhận được.

3. Đối với Hệ thống MHS:

a) Trách nhiệm thu thập, cập nhật:

a.1) Thông tin do người khai hải quan khai báo khi làm thủ tục hải quan gồm các thông tin về tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các chứng từ điện tử đi kèm Tờ khai hải quan do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm liên kết lấy dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu Tờ khai để cập nhật vào Hệ thống MHS.

a.2) Thông tin chi tiết về hàng hóa theo kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa và hình ảnh hàng hóa (nếu có) do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm liên kết lấy dữ liệu từ Hệ thống VNACCS và cấp Chi cục thu thập và cập nhật các thông tin bổ sung (nếu có) tại Chức năng 1.01.01. *Kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa.*

a.3) Kết quả kiểm tra, xác định mã số hàng hóa, mức thuế do cấp Chi cục, cấp Cục và Cục Thuế XNK thu thập và cập nhật tại Chức năng 1.01.04. *Kiểm tra mã số, mức thuế.*

a.4) Kết quả giải quyết khiếu nại liên quan đến phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế do cấp Chi cục, cấp Cục và Cục Thuế XNK thu thập, cập nhật tại Chức năng 1.01.06. *Kết quả khiếu nại mã số, mức thuế.*

a.5) Kết quả điều chỉnh mã số hàng hóa, mức thuế do công chức tại đơn vị ban hành quyết định ấn định thuế, quyết định điều chỉnh thuế (trường hợp điều chỉnh mã số và mức thuế) hoặc công chức lập Biên bản ghi nhận (trường hợp điều chỉnh mã số nhưng không điều chỉnh mức thuế) thu thập và cập nhật tại Chức năng 1.01.07. *Kết quả điều chỉnh mã số, mức thuế trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ điều chỉnh.*

a.6) Kết quả kiểm tra, thanh tra liên quan đến phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong và ngoài ngành do công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra tại cơ quan hải quan các cấp thu thập và cập nhật tại Chức năng 1.01.05. *Kết quả thanh tra, kiểm tra.*

a.7) Kết quả kiểm tra sau thông quan liên quan đến phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế do công chức làm công tác kiểm tra sau thông quan tại cơ quan hải quan các cấp thu thập và cập nhật tại Chức năng 1.01.09. *Kết quả kiểm tra sau thông quan.*

a.8) Kết quả điều tra chống buôn lậu liên quan đến phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế do công chức làm công tác điều tra chống buôn lậu tại cơ quan hải quan các cấp thu thập và cập nhật tại Chức năng 1.01.10. *Kết quả điều tra chống buôn lậu.*

a.9) Thông tin về xác định trước mã số được cập nhật tại Chức năng 1.02 *Xác định trước mã số*, cụ thể: Thông tin hồ sơ đề nghị xác định trước mã số do Cục Thuế XNK thu thập và cập nhật tại mục *Thông tin hồ sơ*; Thông báo kết quả giám định và thông báo kết quả phân tích (nếu có) do Trung tâm thu thập và cập nhật tại mục *Thông báo kết quả phân tích*; Thông báo kết quả xác định trước mã số do Cục Thuế XNK thu thập và cập nhật tại mục *Thông báo* trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày ban hành Thông báo kết quả xác định trước mã số; Thông tin tờ khai sử dụng Thông báo kết quả xác định trước mã số do cấp Chi cục thu thập, cập nhật tại mục *Tờ khai* trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày thông quan Tờ khai.

a.10) Thông tin về kết quả phân loại hàng hóa đối với hàng hóa phải phân tích:

a.10.1) Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kèm Biên bản lấy mẫu do cấp Chi cục thu thập và cập nhật trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi mẫu cho Trung tâm tại Chức năng 1.03.01. *Nhập phiếu yêu cầu;*

a.10.2) Kết quả trưng cầu giám định của các đơn vị chuyên ngành hoặc cơ quan giám định và Kết quả phân tích do Trung tâm thu thập và cập nhật tại Chức

năng 1.03.02. *Nhập kết quả phân tích* trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày ban hành Thông báo kết quả phân tích;

a.10.3) Trường hợp mẫu hàng hóa có kết quả phân tích đáp ứng nhóm tiêu chí a.1 và a.3 hoặc nhóm tiêu chí a.2 và a.3 tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 14/2015/TT-BTC: Trung tâm thực hiện cập nhật kết quả phân tích và mã số phân loại tại chức năng 1.03.03. *Nhập phiếu đề xuất* và 1.01.04. *Nhập kết quả phân loại* trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày ban hành Thông báo kết quả phân tích (trong đó ghi rõ “mã số phân loại theo Thông báo kết quả phân loại số..., ngày... của Tổng cục Hải quan”).

a.10.4) Trường hợp mẫu hàng hóa có kết quả phân tích không thuộc trường hợp nêu trên: Cục Thuế XNK thực hiện cập nhật kết quả phân loại tại chức năng 1.03.03. *Nhập phiếu đề xuất* và 1.01.04. *Nhập kết quả phân loại* trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày ban hành Thông báo kết quả phân loại.

a.11) Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại:

a.11.1) Đối với cấp Cục: cập nhật Danh mục đề xuất tại Chức năng 4.01. *Danh mục đề xuất* sau khi gửi Cục Thuế XNK;

a.11.2) Đối với Cục Thuế XNK: cập nhật Danh mục cơ sở tại Chức năng 4.02. *Danh mục cơ sở* sau khi Tổng cục ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về phân loại;

a.11.3) Danh mục sử dụng do Hệ thống tự tổng hợp từ Danh mục cơ sở và cho phép tra cứu tại Chức năng 4.07. *Tra cứu danh mục sử dụng*.

a.12) Thông tin khác:

Thông tin tham khảo liên quan đến công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế do cấp Chi cục, cấp Cục, Cục Thuế XNK thu thập, cập nhật tại Chức năng 1.07.02. *Thông tin tham khảo*.

b) Phương pháp cập nhật:

Cập nhật các nguồn thông tin trên Hệ thống MHS theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng có hiệu lực tại thời điểm cập nhật tại Chức năng 8.1. *Tài liệu HDSD* trên Hệ thống này.

Điều 7. Khai thác, sử dụng

1. Đối tượng khai thác, sử dụng:

a) Đối với Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế: Công chức hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

b) Đối với Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế:

b.1) Công chức, viên chức hải quan làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế tại cấp Chi cục và tương đương, cấp Cục và Cục Thuế XNK.

b.2) Công chức, viên chức làm công tác phân tích, phân loại hàng hóa tại Trung tâm phân tích, phân loại hàng hóa xuất nhập khẩu và các Chi nhánh.

b.3) Công chức, viên chức thực hiện các công việc khác nếu có liên quan đến công tác phân tích, phân loại áp dụng mức thuế phải được sự phê duyệt của lãnh đạo đơn vị.

2. Hướng dẫn sử dụng:

a) Đối với Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế: khai thác, sử dụng trên dịch vụ tra cứu *Danh mục, Biểu thuế, HS* tại Cổng thông tin điện tử ngành Hải quan theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng được cập nhật tại dịch vụ tra cứu này.

b) Đối với Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế: khai thác, sử dụng tại các chức năng tra cứu trên Hệ thống MHS theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng có hiệu lực tại thời điểm khai thác, sử dụng được cập nhật tại Chức năng 8.1. *Tài liệu HDSD* trên Hệ thống này.

3. Cách thức khai thác, sử dụng:

Các Cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng phục vụ công tác phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế, kiểm tra tính tuân thủ trong phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế, và các mục đích quản lý khác. Trong phạm vi Quy chế này, một số cách thức khai thác, sử dụng chủ yếu được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu để xác định mã số hàng hóa, xác định trước mã số hàng hóa và kiểm tra việc phân loại hàng hóa:

a.1) Các chức năng khai thác, sử dụng trên cổng thông tin điện tử của ngành Hải quan:

a.1.1) Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

a.1.2) Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành theo quy định tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

a.1.3) Văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan;

a.1.4) Văn bản giải quyết khiếu nại về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan;

a.1.5) Tài liệu về phân loại hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới và khu vực, gồm: Danh mục HS, Danh mục thuế quan hải hòa ASEAN (AHTN); Các Chú giải chi tiết HS (EN) và Chú giải bổ sung (SEN); Tuyển tập ý kiến về phân loại hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO).

a.2) Các chức năng khai thác, sử dụng trên Hệ thống MHS (mục 2. *Tra cứu*), cụ thể:

a.2.1. Tra cứu thông tin kết quả kiểm hóa tại Chức năng 2.01.01. *Kết quả kiểm hóa*.

a.2.2) Tra cứu thông tin về kết quả kiểm tra, xác định mã số hàng hóa, mức thuế tại Chức năng 2.01.04. *Kiểm tra mã số, mức thuế.*

a.2.3) Tra cứu thông tin về kết quả kiểm tra, thanh tra liên quan đến phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong và ngoài ngành tại Chức năng 2.01.05. *Kết quả thanh tra, kiểm tra.*

a.2.4) Tra cứu thông tin về kết quả giải quyết khiếu nại tại Chức năng 2.01.06. *Kết quả khiếu nại mã số, mức thuế.*

a.2.5) Tra cứu thông tin về kết quả điều chỉnh mã số hàng hóa, mức thuế tại Chức năng 2.01.07. *Kết quả điều chỉnh mã số, mức thuế.*

a.2.6) Tra cứu thông tin về kết quả kiểm tra sau thông quan tại Chức năng 2.01.09. *Kết quả kiểm tra sau thông quan.*

a.2.7) Tra cứu thông tin về kết quả điều tra chống buôn lậu tại Chức năng 2)01.10. *Kết quả điều tra chống buôn lậu.*

a.2.8) Tra cứu thông tin về xác định trước mã số được cập nhật tại Chức năng 2.02 *Xác định trước mã số.*

a.2.9) Tra cứu thông tin về kết quả phân loại hàng hóa đối với hàng hóa phải phân tích tại Chức năng 2.03. *Kết quả phân tích, phân loại.*

a.2.10) Tra cứu thông tin về hàng hóa đã xuất khẩu, nhập khẩu tại Chức năng 2.08. *Hàng hóa XNK và 2.09. Tra cứu hàng XNK (Kết quả lớn hơn 1000 bản ghi).*

a.3) Cách thức khai thác, sử dụng:

a.3.1) Xác định mã số hàng hóa:

Căn cứ tên hàng, thành phần, hàm lượng, tính chất, cấu tạo, đặc điểm, công dụng của hàng hóa và thực tế hàng hóa (nếu có), thực hiện tra cứu trên các Cơ sở dữ liệu tại các chức năng đã nêu tại tiết a.1 và a.2 điểm 3 Điều này;

Căn cứ các nguyên tắc, trình tự quy định tại Thông tư hướng dẫn việc phân loại, áp dụng mức thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Tài chính để xác định chính xác mã số hàng hóa.

a.3.2) Xác định trước mã số hàng hóa:

Căn cứ tên hàng, thành phần, hàm lượng, tính chất, cấu tạo, đặc điểm, công dụng của hàng hóa nêu tại Đơn đề nghị xác định trước mã số, Tài liệu kỹ thuật đính kèm hồ sơ (nếu có) và căn cứ Thông báo kết quả phân tích của Trung tâm phân tích, phân loại hàng hóa XNK (trường hợp mẫu hàng phải phân tích), thực hiện tra cứu trên các Cơ sở dữ liệu tại các chức năng đã nêu tại mục a.1 và a.2 điểm 3 Điều này;

Căn cứ các nguyên tắc quy định tại Thông tư hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính để xác định mã số hàng hóa cần xác định trước.

a.3.3) Kiểm tra việc phân loại hàng hóa:

Căn cứ tên hàng, thành phần, hàm lượng, tính chất, cấu tạo, đặc điểm, công dụng của hàng hóa khai báo, thực hiện tra cứu trên các Cơ sở dữ liệu tại các chức năng đã nêu tại tiết a.1 và a.2 điểm 3 Điều này;

Căn cứ các nguyên tắc quy định tại Thông tư hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính để xác định mã số của hàng hóa đó;

So sánh, đối chiếu mã số hàng hóa khai báo với mã số hàng hóa đã xác định, đối chiếu với thực tế hồ sơ và thực tế hàng hóa (trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng phải kiểm tra thực tế) để xác định mức độ trung thực, chính xác của thông tin khai báo.

b) Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu để kiểm tra và xác định mức thuế:

b.1) Xác định mức thuế: Căn cứ mã số hàng hóa xác định được và xem xét thông tin từ hồ sơ hàng hóa khai báo (xem xét các chứng từ như Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O), tra cứu trong Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế trên dịch vụ tra cứu *Danh mục, Biểu thuế, HS* tại Cổng thông tin điện tử ngành Hải quan để xác định mức thuế áp dụng cho hàng hóa đó.

b.2) Kiểm tra tính chính xác của mức thuế áp dụng: Căn cứ mã số hàng hóa và mức thuế tại hồ sơ, xem xét thông tin từ hồ sơ hàng hóa khai báo (xem xét các chứng từ như Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O), đối chiếu với thông tin tra cứu trong Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế trên dịch vụ tra cứu *Danh mục, Biểu thuế, HS* tại Cổng thông tin điện tử ngành Hải quan để kiểm tra tính chính xác của mức thuế áp dụng cho hàng hóa đó.

c) Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu trên Hệ thống MHS trong trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng phải phân tích để phân loại hàng hóa (kể cả trường hợp sử dụng các dịch vụ giám định hàng hóa):

c.1) Sau khi có kết quả phân tích của mặt hàng, Trung tâm thực hiện tra cứu tại chức năng 2.03. *Kết quả phân tích, phân loại* trên Hệ thống MHS để so sánh mẫu hàng hóa với các nhóm tiêu chí a.1 và a.3 hoặc nhóm tiêu chí a.2 và a.3 tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 14/2015/TT-BTC.

c.2) Trường hợp mẫu hàng hóa có kết quả phân tích đáp ứng nhóm tiêu chí a.1 và a.3 hoặc nhóm tiêu chí a.2 và a.3 nêu tại điểm a khoản 1 Điều 11 Thông tư số 14/2015/TT-BTC, Trung tâm ban hành Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa, làm căn cứ để Chi cục Hải quan xác định mã số hàng hóa, áp dụng mức thuế.

c.3) Trường hợp mẫu hàng hóa có kết quả phân tích không thuộc trường hợp nêu trên: Trung tâm ban hành Thông báo kết quả phân tích, làm căn cứ để Tổng cục Hải quan ban hành Thông báo kết quả phân loại.

d) Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý rủi ro: dữ liệu tại chức năng 4. *Danh mục rủi ro về phân loại* trên Hệ thống MHS được khai thác, sử dụng để phục vụ công tác quản lý rủi ro về phân loại theo đúng các quy định về quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan và quy định về hoạt động thu thập, xử lý thông tin quản lý rủi ro và áp dụng biện pháp, kỹ thuật

ng nghiệp vụ quản lý rủi ro trong quản lý hải quan, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

e) Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê, báo cáo, xây dựng chính sách trên Hệ thống MHS: dữ liệu tại các chức năng 2. *Tra cứu* và 5. *Báo cáo, thống kê* trên Hệ thống MHS được khai thác, sử dụng để phục vụ công tác thống kê, báo cáo liên quan đến lĩnh vực phân loại hàng hóa, thay thế các báo cáo bằng văn bản tổng hợp từ các đơn vị Hải quan.

Chương IV

QUẢN LÝ, LƯU TRỮ, BẢO MẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 8. Quản lý, lưu trữ, bảo mật Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Cơ sở dữ liệu về Biểu thuế

1. Cục Thuế XNK và Cục Giám sát quản lý chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ và đảm bảo an toàn dữ liệu gốc đã sử dụng để cập nhật.

2. Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm:

a) Đảm bảo lưu trữ theo đúng quy định về an ninh, an toàn của hệ thống công nghệ thông tin. Dữ liệu đảm bảo được khôi phục trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị, hệ thống.

b) Duy trì hoạt động liên tục, ổn định và hiệu quả của Cơ sở dữ liệu này trên công nghệ thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan.

Điều 9. Quản lý, lưu trữ, bảo mật Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế

1. Nhiệm vụ của các đơn vị:

a) Nhiệm vụ của Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan:

a.1) Đảm bảo lưu trữ theo đúng quy định về an ninh, an toàn của hệ thống công nghệ thông tin. Dữ liệu đảm bảo được khôi phục trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị, hệ thống.

a.2) Đảm bảo an ninh, an toàn về mặt kỹ thuật, bảo mật dữ liệu.

a.3) Duy trì hoạt động liên tục, ổn định và hiệu quả của Cơ sở dữ liệu.

a.4) Xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành Hệ thống thông tin quản lý Cơ sở dữ liệu này.

b) Nhiệm vụ của Cục Thuế xuất nhập khẩu:

b.1) Quản lý về nội dung toàn bộ hệ thống Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế của toàn ngành Hải quan.

b.2) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin dữ liệu được thu thập và cập nhật trong phạm vi đơn vị.

b.3) Chịu trách nhiệm cấp tài khoản, phân quyền cho cấp Tổng cục theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống và thu hồi tài khoản đã cấp khi không còn nhu cầu sử dụng.

b.4) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đúng thời gian quy định.

b.5) Xử lý các vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu trong toàn ngành.

b.6) Đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng.

c) Nhiệm vụ của Trung tâm Phân tích phân loại hàng hóa XNK và các Chi nhánh, Cục Kiểm tra sau Thông quan, Thanh tra, Cục Điều tra chống buôn lậu

c.1) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế trong phạm vi đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

c.2) Đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng.

d) Nhiệm vụ của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố:

d.1) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu trong phạm vi toàn đơn vị.

d.2) Bộ phận tin học cấp Cục chịu trách nhiệm cấp tài khoản, phân quyền cho cấp Cục theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống và thu hồi tài khoản đã cấp khi không còn nhu cầu sử dụng.

d.3) Đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng.

e) Nhiệm vụ của Chi cục:

e.1) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu trong phạm vi Chi Cục.

e.2) Theo dõi phân quyền đến từng công chức, viên chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống và báo cáo cấp Cục khi có thay đổi về phân công nhiệm vụ của công chức, viên chức để thực hiện lại việc phân quyền.

e.3) Đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng.

g) Nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan khác trong ngành:

g.1) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế trong phạm vi đơn vị.

g.2) Đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng.

2. Nhiệm vụ của công chức, viên chức làm công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế:

a) Nhiệm vụ của Lãnh đạo đơn vị:

a.1) Chủ động điều phối việc phân công trách nhiệm thu thập, cập nhật của các công chức, viên chức trong toàn đơn vị.

a.2) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện của các công chức, viên chức trong đơn vị theo đúng quy định tại Quy chế này.

b) Nhiệm vụ của công chức, viên chức trong đơn vị:

b.1) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các dữ liệu được thu thập, cập nhật vào hệ thống theo sự phân công của Lãnh đạo đơn vị.

b.2) Khai thác và sử dụng dữ liệu liên quan đến công tác phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế theo sự phân công của Lãnh đạo đơn vị, đồng thời, chịu trách nhiệm về tính bảo mật đối với dữ liệu được phân công theo dõi quản lý.

b.3) Bảo mật mã thẩm quyền riêng trong quá trình cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về phân loại hàng hóa và áp dụng mức thuế.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng hệ thống thông tin quản lý các Cơ sở dữ liệu và Tài liệu hướng dẫn sử dụng, Cục Giám sát quản lý và Cục Thuế XNK phối hợp xây dựng và chịu trách nhiệm về nghiệp vụ để đảm bảo thực hiện thống nhất việc cập nhật, khai thác, sử dụng và quản lý thông tin trong toàn Ngành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung kịp thời. /